

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST.

Ngày: 15-02-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thanh Vũ

Bà Danh Thị Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2021/QĐXXST – DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng LV

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, số E, đường T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm S, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần T, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh H.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Mai N, sinh năm 1992 (Có mặt) theo quyết định số 140/2021/QĐ-LV-HG ngày 17/3/2021.

Địa chỉ cư trú: ấp E, xã V, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số N, đường B, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn:

Ông Lâm K, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Bà Trần H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai N trình bày:

Ngân hàng LV chi nhánh H Phòng giao dịch L có cho ông Lâm K và bà Trần H vay số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD803201807973 ngày 24/10/2018 và được giải ngân ngày 24/10/2018. Thỏa thuận cụ thể như sau thời hạn vay 11 tháng, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn chăm sóc vườn bưởi; Lãi suất thỏa thuận là 14,3%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/01 lần, theo công thức sau: Lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường kỳ cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của Ngân hàng LV dành cho cá nhân tại thời điểm áp dụng/điều chỉnh lãi suất + Margin thỏa thuận tối thiểu 6,5%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Tiền vốn gốc thanh toán vào cuối kỳ vào ngày 23/9/2019, tiền lãi trả vào ngày 23/01/2019, 23/4/2019; 23/7/2019 và ngày 23/9/2019. Khi đến hạn trả nợ thì giữa ngân hàng và phía ông K, bà H có ký kết phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ số 0416/2019/PLHĐ-LienVietPostBank.LM ngày 23/9/2019 tiếp tục cho ông K và bà H vay lưu vụ lần 1 với thời hạn 11 tháng kể từ ngày 23/9/2019 đến hết ngày 18/8/2020. Lãi suất cho vay lưu vụ trong hạn là 12,4%/năm. Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định + Margin tối thiểu 6,2%/năm. Trả lãi định kỳ vào ngày 18/12/2019, 18/3/2020, 18/6/2020 và 18/8/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông K và bà H chỉ đóng lãi đến kỳ ngày 18/6/2020 thì ngưng, khi khoản nợ đến hạn ngày 18/8/2020 cũng không trả vốn gốc và lãi kỳ cuối. Nên khoản nợ đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 19/6/2020 đến nay. Thời điểm chuyển nợ quá hạn thì mức lãi suất của ông K và bà H được điều chỉnh lên 14,1%/năm nên tính lãi quá hạn căn cứ mức lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 14,1%/năm. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông K và bà H nhưng ông K và bà H vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng cho khách hàng vay không bảo đảm tài sản nhưng theo quy định của bên ngân hàng thì khoản vay từ 100.000.000 đồng trở xuống thì khách hàng chỉ gửi ngân hàng giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất chứ không thực hiện thủ tục thế chấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định nên ngân hàng có giữ bản chính giấy chứng nhận QSD đất ký hiệu CN 635414 đứng tên ông Lâm K, thửa đất số 172, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 25/9/2018 để đảm bảo thủ tục vay tiền của vợ chồng ông K và bà H.

Theo đơn khởi kiện thì phía ngân hàng có khởi kiện khoản nợ gốc là 79.999.984 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn nhưng đến ngày 09/02/2022 ông K và bà H đã trả một phần nợ gốc là 35.000.061 đồng cho nên ngân hàng yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện. Còn yêu cầu của ông K và bà H xin trả dần thì phía ngân hàng không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện ngân hàng LV ông Mai N yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc ông Lâm K và bà Trần H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng LV tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/02/2022) số tiền là 71.880.892 đồng, trong đó vốn gốc là 44.999.939 đồng, lãi trong hạn 1.692.180 đồng, lãi quá hạn 25.188.773 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/02/2022 cho đến khi ông K và bà H trả hết nợ vay. Sau khi khách hàng trả hết nợ vay cho ngân hàng thì phía ngân hàng tự động trả lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất đã giữ của ông K và bà H.

2/ Theo biên bản lấy lời khai ông Lâm K và bà Trần H lập ngày 16/11/2021, các bị đơn trình bày như sau:

Ông bà thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng LV chi nhánh H, phòng giao dịch L số tiền vốn là 80.000.000 đồng. Ông bà có nhận tiền vay tại ngân hàng. Lãi suất bao nhiêu phần trăm thì ông bà không nhớ. Do điều kiện kinh tế gia đình ông bà hiện nay đang gặp khó khăn nên ông bà không có khả năng trả số tiền vốn gốc là 79.999.984 đồng và lãi phát sinh. Ông bà xin được trả dần số tiền nợ mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Ông bà có đưa cho ngân hàng giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất ký hiệu CN 635414 đứng tên ông Lâm K, thửa đất số 172, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 25/9/2018 để đảm bảo thủ tục vay tiền. Khi nào ông bà trả hết nợ sẽ yêu cầu phía ngân hàng trả lại giấy chứng nhận QSD đất nêu trên.

3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn ông K và bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Lâm K và bà Trần H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng LV số tiền tổng cộng số tiền là số tiền là 71.880.892 đồng, trong đó vốn gốc là 44.999.939 đồng, lãi trong hạn 1.692.180 đồng, lãi quá hạn 25.188.773 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 16/02/2022 cho đến khi ông K và bà H trả hết nợ vay cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Lâm K và bà Trần H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông K và bà H.

[1.2] Xét về yêu cầu thay đổi đơn khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ngân hàng LV, cụ thể thay đổi yêu cầu ông K và bà H trả số tiền nợ gốc từ 79.999.984 đồng xuống còn yêu cầu số tiền nợ gốc tại phiên tòa là 44.999.939 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của BLTTDS chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

[2] Qua xem xét hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD803201807973 ngày 24/10/2018 và phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ số 0416/2019/PLHĐ-LV.LM ngày 23/9/2019, thể hiện ông Lâm K và bà Trần H có vay của Ngân hàng LV chi nhánh H – Phòng giao dịch L số tiền 80.000.000 đồng. Thỏa thuận của hợp đồng như sau: Thời hạn vay 11 tháng; mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn chăm sóc vườn bưởi; phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 18/8/2020; Trả lãi định kỳ vào ngày 18/12/2019, 18/3/2020, 18/6/2020 và 18/8/2020; lãi suất cho vay trong hạn 12,4%/năm. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần, theo công thức sau: Lãi suất vay = Lãi suất LS13 + 6,2%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Khi thực hiện hợp đồng, ông K và bà H đã đóng lãi hai kỳ đầu đầy đủ đến kỳ ngày 18/6/2020, sau đó ngưng đóng lãi từ ngày 18/6/2020 đến nay và khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 19/6/2020.

[3] Xét thấy, ông Lâm K và bà Trần H đã vay số tiền 80.000.000 đồng của Ngân hàng LV, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng LV theo như thỏa thuận về trả nợ gốc và lãi quy định tại khoản 4.1 và 4.2 của Điều 4 của hợp đồng tín dụng kiêm ngày 24/10/2018 và điểm 3.1 của Điều 3 tại phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ ngày 23/9/2019 mà hai bên đã ký kết. Còn đối với mức lãi suất đại diện ngân hàng yêu cầu tính lãi suất 14,1%/năm. Căn cứ vào điểm b khoản 2.2 Điều 2 của hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/10/2018 thì lãi suất của khách hàng được điều chỉnh 03 tháng/lần, điều chỉnh lãi suất của ông K và bà H lên mức lãi suất 14,1%/tháng từ ngày 23/12/2019 đến nay là phù hợp. Do ông K và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 19/6/2020 cho đến nay, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K và bà H thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc còn nợ và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Số tiền ông K và bà H còn phải thanh toán cho Ngân hàng LV tính đến ngày 15/02/2022 (ngày xét xử) tổng cộng số tiền là 71.880.892 đồng, trong đó vốn gốc là 44.999.939 đồng, lãi trong hạn 1.692.180 đồng, lãi quá hạn 25.188.773 đồng. Ghi nhận việc ngân hàng LV tự nguyện hoàn trả cho ông K và bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CN 635414 đứng tên ông Lâm K, thửa đất số 172, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 25/9/2018 khi ông K và bà H thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng LV.

[4] Xét ý kiến của bị đơn ông K và bà H xin được trả dần nhưng đại diện ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm K và bà Trần H phải chịu án phí là 3.594.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng LV không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng LV về việc yêu cầu ông Lâm K và bà Trần H trả nợ vay.

Buộc ông Lâm K và bà Trần H trả cho Ngân hàng LV số tiền là 71.880.892 đồng (*Bảy mươi một triệu, tám trăm tám mươi nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng*), trong đó vốn gốc là 44.999.939 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng*), lãi trong hạn 1.692.180 đồng (*Một triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn, một trăm tám mươi đồng*), lãi quá hạn là 25.188.773 đồng (*Hai mươi lăm triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 16/02/2022 cho đến khi ông Lâm K và bà Trần H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng LV, thì hàng tháng ông Lâm K và bà Trần H còn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số số: HDTD803201807973 ngày 24/10/2018 và phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ số 0416/2019/PLHD-LV.LM ngày 23/9/2019.

2/ Ghi nhận việc ngân hàng LV tự nguyện hoàn trả cho ông Lâm K và bà Trần H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CN 635414 đứng

tên ông Lâm K, thửa đất số 172, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 25/9/2018 khi ông Lâm K và bà Trần H thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng LV.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lâm K và bà Trần H phải chịu án phí là 3.594.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

Ngân hàng LV không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.282.000 đồng (*Hai triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001050, ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng